TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2024
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Huy Hoàng**.

2. Ông **Lại Hữu Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Bà **Vũ Thị Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 723/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 632/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị N**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Xã BH, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Đào Duy N**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Xã BH, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày: Bà và ông Đào Duy N bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2007 có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, bà và ông N chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Đến năm 2018, bà và ông N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà yêu cầu được ly hôn với ông Đào Duy N.

Về con chung: Bà và ông N có 04 con chung tên Đào Ngọc M (giới tính nữ), sinh ngày: 09/9/2008; Đào Ngọc L (giới tính nữ), sinh ngày: 30/11/2011; Đào Duy Đức T (giới tính nam), sinh ngày: 30/11/2011 và Đào Duy Trí Đ (giới tính nam), sinh ngày: 11/02/2017. Sau khi ly hôn, Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 trẻ và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung: Bà N yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đào Duy N có bản tự khai trình bày: Ông và bà Võ Thị N bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2007 tại Ủy ban nhân dân phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2022, thì ông và Bà N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến với nhau trong làm ăn chung hằng ngày dẫn đến vợ chồng có lớn tiếng với nhau. Ông và Bà N sống chung một nhà nhưng không có sự quan tâm, không còn tiếng nói chung. Xét thấy, ông và vợ ông (Bà N) không có mâu thuẫn gì trầm trọng, ông yêu cầu Tòa giải quyết ho ông và vợ ông (Bà N) được đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc cho các con.

Về con chung: Ông và Bà N có 04 con chung tên Đào Ngọc M (giới tính nữ), sinh ngày: 09/9/2008; Đào Ngọc L (giới tính nữ), sinh ngày: 30/11/2011; Đào Duy Đức T (giới tính nam), sinh ngày: 30/11/2011 và Đào Duy Trí Đ (giới tính nam), sinh ngày: 11/02/2017. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà N thì ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 trẻ và không yêu cầu Bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông N yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao 04 con chung tên Đào Ngọc M (giới tính nữ), sinh ngày: 09/9/2008; Đào Ngọc L (giới tính nữ), sinh ngày: 30/11/2011; Đào Duy Đức T (giới tính nam), sinh ngày: 30/11/2011 và Đào Duy Trí Đ (giới tính nam), sinh ngày: 11/02/2017 cho Bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đào Duy N. Tài sản chung: Tự thỏa thuận; nợ chung: Không có, đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị N nộp đơn xin ly hôn đối với ông Đào Duy N. Ông Đào Duy N hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Võ Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Đào Duy N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị N, ông Đào Duy N theo quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 201 quyển I/2007 do Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2007 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị N và ông Đào Duy N là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông N không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của Bà N thì giữa bà và ông N phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông N bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm lẫn nhau, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Bà N và ông N mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Ông Đào Duy N trình bày không đồng ý ly hôn, ông muốn được đoàn tụ nhưng ông không đưa ra được phương án để hàn gắn tình cảm gia đình mặc dù Tòa án đã cho các bên thời gian nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị N về việc xin được ly hôn với ông Đào Duy N.

[5] Về con chung: Bà Võ Thị N và ông Đào Duy N có 04 con chung tên Đào Ngọc M (giới tính nữ), sinh ngày: 09/9/2008; Đào Ngọc L (giới tính nữ), sinh ngày: 30/11/2011; Đào Duy Đức T (giới tính nam), sinh ngày: 30/11/2011 và Đào Duy Trí Đ (giới tính nam), sinh ngày: 11/02/2017.

Sau khi ly hôn, Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 trẻ và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông Đào Duy N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 trẻ và không yêu cầu Bà N cấp dưỡng nuôi con nếu trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của Bà N và ông N là xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con của mình, tuy nhiên việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải cân nhắc tới việc đảm bảo cuộc sống của các con về mọi mặt. Xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ thì các trẻ đều có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ, hiện nay các trẻ còn nhỏ và cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần tạo điều kiện để 04 trẻ có sự ổn định về mặt tâm lý, tình cảm. Đồng thời căn cứ vào mức lương thu nhập hàng tháng khoảng 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng của bà Võ Thị N là đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cho 04 trẻ, do đó Hội đồng xét xử quyết định giao 04 con chung tên Đào Ngọc M (giới tính nữ), sinh ngày: 09/9/2008; Đào Ngọc L (giới tính nữ), sinh ngày: 30/11/2011; Đào Duy Đức T (giới tính nam), sinh ngày: 30/11/2011 và Đào Duy Trí Đ (giới tính nam), sinh ngày: 11/02/2017 cho Bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật. Bà N không có yêu

cầu cấp dưỡng cho các con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng đối với ông N cho đến khi Bà N có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Bà N và ông N yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà N và ông N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị N đối với ông Đào Duy N.

Bà Võ Thị N được ly hôn với ông Đào Duy N .

Giấy chứng nhận kết hôn số 201, quyển I/2007 do Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Võ Thị N và ông Đào Duy N có 04 con chung tên Đào Ngọc M (giới tính nữ), sinh ngày: 09/9/2008; Đào Ngọc L (giới tính nữ), sinh ngày: 30/11/2011; Đào Duy Đức T (giới tính nam), sinh ngày: 30/11/2011 và Đào Duy Trí Đ (giới tính nam), sinh ngày: 11/02/2017.

Giao cả 04 trẻ Đào Ngọc M (giới tính nữ), sinh ngày: 09/9/2008; Đào Ngọc L (giới tính nữ), sinh ngày: 30/11/2011; Đào Duy Đức T (giới tính nam), sinh ngày: 30/11/2011 và Đào Duy Trí Đ (giới tính nam), sinh ngày: 11/02/2017 cho bà Võ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đào Duy N cho đến khi Bà N có yêu cầu.

Ông Đào Duy N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị N và ông Đào Duy N yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Võ Thị N và ông Đào Duy N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị N chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Võ Thị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0020282 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định.

Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Huy Hoàng

2/ Ông Lại Hữu Tâm.

Đã tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 723/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1979

Địa chỉ: C10/5A11 Tổ 215A, Ấp 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đào Duy N, sinh năm 1980

Địa chỉ: C10/5A11 Tổ 215A, Ấp 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị N đối với ông Đào Duy N.

Bà Võ Thị N được ly hôn với ông Đào Duy N .

Giấy chứng nhận kết hôn số 201 quyển I/2007 do Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Võ Thị N và ông Đào Duy N có 04 con chung tên Đào Ngọc M, sinh ngày: 09/9/2008; Đào Ngọc L, sinh ngày: 30/11/2011; Đào Duy Đức T, sinh ngày: 30/11/2011; Đào Duy Trí Đ, sinh ngày: 11/02/2017.

Giao cả 04 trẻ Đào Ngọc M, sinh ngày: 09/9/2008; Đào Ngọc L, sinh ngày: 30/11/2011; Đào Duy Đức T, sinh ngày: 30/11/2011; Đào Duy Trí Đ, sinh ngày: 11/02/2017 cho bà Võ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đào Duy N cho đến khi Bà N có yêu cầu.

Ông Đào Duy N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà N và ông N xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà N và ông N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị N chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Võ Thị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0020282 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Biểu quyết 3/3 trên từng vấn đề.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
hVũ Huy Hoàng	**Lại Hữu Tâm**
	Phạm Thị Kim Định

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Ủy ban nhân dân xã Lê Minh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.